

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản; hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên.
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:***
Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 06, ấp A, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang; (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Đặng P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Huỳnh Đ trình bày: Ngày 10/5/2018 bị đơn ông P có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của nguyên đơn vay số tiền 250.000.000đ với

lãi suất là 2.5% /tháng. Đồng thời bị đơn có mua vật tư nông nghiệp phục vụ cho việc sản xuất lúa vụ hè thu năm 2018, từ ngày 09/5/2018 đến ngày 20/8/2018 số tiền 58.627.000đ. Đến cuối vụ lúa bị đơn có đến đối chiếu công nợ và tính lãi tiền vay (từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/9/2018 là 25.000.000đ). Bị đơn đã ký xác nhận nợ ngày 10/9/2018 với tổng số tiền vay và nợ tiền mua vật tư nông nghiệp 333.627.000đ hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.5%/tháng. Đến vụ lúa Thu Đông 2018 bị đơn tiếp tục mua vật tư nông nghiệp và nợ lại số tiền 48.405.000đ có hứa khi thu hoạch lúa xong sẽ trả dứt số tiền nợ cho nguyên đơn, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông P có trách nhiệm trả hết số tiền 382.032.000đ. Trong đó, tiền vay vốn gốc 250.000.000đ + lãi 25.000.000đ = 275.000.000đ; tiền mua vật tư nông nghiệp của hai vụ lúa là 107.032.000đ, yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng của số tiền 333.627.000đ từ ngày 10/9/2018 cho đến ngày xét xử. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp của vụ Thu đông năm 2018 với số tiền 48.405.000đ.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 02 bản xác nhận nợ phải trả (Bản photo có đối chiếu).

Bị đơn ông Đặng P trình bày ý kiến tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa: Bị đơn thừa nhận vào vụ Hè Thu năm 2018 (từ ngày 09/5/2018 đến ngày 20/8/2018) có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của nguyên đơn ông Đ mua vật tư nông nghiệp để sản xuất lúa và nợ 58.627.000đ. Đến vụ Thu Đông 2018 bị đơn tiếp tục mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn (mua nhiều lần) và đối chiếu công nợ với số tiền 48.405.000đ. Tổng số tiền nợ của hai vụ lúa là 107.032.000đ. Bị đơn thống nhất số nợ trên. Đối với số tiền vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 250.000.000đ và tiền lãi 25.000.000đ, tổng số tiền vay 275.000.000đ bị đơn không đồng ý. Vì thực chất bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn. Còn 02 giấy xác nhận nợ ghi ngày 10/9/2018 và ngày 13/01/2019 bị đơn thừa nhận có ký tên và xác nhận chữ ký là của bị đơn, nhưng lúc ký tên vào sổ là giấy trắng còn nội dung là do nguyên đơn ghi sau, nên bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Đ có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

- Bị đơn ông P có mặt và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án: Yêu cầu của ông Đ về việc buộc ông P phải có

nghĩa vụ trả số tiền mua vật tư nông nghiệp 107.032.000đ, tiền vay 250.000.000đ + tiền lãi 16.600.000đ và tiền lãi từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử đối với số tiền vay 250.000.000đ và tiền mua vật tư nông nghiệp 58.627.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản và các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán tài sản. Theo đó, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn. Do đây là hợp đồng mua bán tài sản (hàng hóa) và hợp đồng vay tài sản (tiền) nên là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông P có nơi cư trú tại: Tổ 10, ấp A, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế đã xảy ra, thể hiện tại Xác nhận nợ phải trả với nội dung: *“Xác nhận nợ đến ngày 10/9/2018 ông Đặng P phải trả tiền nợ vật tư nông nghiệp cùng tiền vay cho ông Huỳnh Đ với số tiền là 333,627.000đ cùng lãi suất 2,5%/tháng nếu trả chậm”*. Bao gồm khoản tiền vay 250.000.000đ + lãi suất (từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/9/2018 mức lãi suất 2,5%/tháng là 25.000.000đ) và tiền mua vật tư nông nghiệp 58.627.000đ, có chữ ký của bị đơn. Hơn nữa, qua quá trình hòa giải, đối chất và tại bản tự khai của bị đơn đã xác nhận bản thân bị đơn chính là người ký nhận nợ. Nhưng bị đơn cho rằng chỉ ký nhận nợ trên tờ giấy trắng không thể hiện nội dung, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”* bị đơn đã không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Xét giao dịch dân sự về mua bán vật tư nông nghiệp giữa nguyên đơn ông Đ với bị đơn ông P được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên mua bán có ghi sổ sách theo dõi và đến cuối vụ hai bên đối chiếu và lập bảng xác nhận nợ, đồng thời ông P cũng thừa nhận có thỏa thuận việc mua bán và hạn cuối vụ lúa sẽ trả hết số nợ cũ của vụ Hè Thu năm 2018 là 58.627.000đ và nợ mới của vụ Thu Đông 2018 số tiền 48.405.000đ. Tổng cộng là 107.032.000đ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Theo xác nhận nợ ngày 10/9/2018 hai bên thỏa thuận mức lãi suất của số tiền 333.627.000đ là 2,5%/tháng là không phù hợp, vì trong 333.627.000đ bao gồm vốn 250.000.000đ lãi tính từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/9/2018 là 04 tháng = 25.000.000đ là quá cao so với quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, cần điều chỉnh lại với mức lãi suất 1,66%/tháng ($250.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 120 \text{ ngày} = 16.600.000đ$). Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất.

Lãi của số tiền vay 250.000.000đ (từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử 30/5/2019 là 250 ngày) $250.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 250 \text{ ngày} = 34.583.000đ$.

Lãi của số tiền mua vật tư nông nghiệp vụ Hè thu năm 2018 vốn gốc 58.627.000đ (từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử 30/5/2019 là 250 ngày) $58.627.000đ \times 1,66\%/tháng \times 250 \text{ ngày} = 8.110.000đ$.

Tổng tiền lãi 59.293.000đ.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mua vật tư nông nghiệp của vụ Thu đông năm 2018 với số tiền 48.405.000đ là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn ông P cho rằng ông không có vay số tiền 250.000.000đ, bị đơn chỉ ký vào tờ giấy trắng không có nội dung, Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án ông P không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn ông P phải trả cho nguyên đơn ông Đ là 416.325.000đ. Trong đó: Tiền vay vốn gốc 250.000.000đ; tiền mua vật tư nông nghiệp của hai vụ 107.032.000đ; tiền lãi 59.293.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi 8.400.000đ không được Tòa án chấp nhận là 420.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.550.000đ, nguyên đơn ông Huỳnh Đ được nhận lại số tiền 9.130.000đ theo biên lai thu số: TU/2016/0012325 ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bị đơn Đặng P có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là 20.653.000đ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Đ đối với ông Đặng P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng mua bán tài sản”. Buộc bị đơn ông Đặng P trả cho các nguyên đơn ông Huỳnh Đ số tiền 416.325.000đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Đ đối với tiền lãi (25.000.000đ – 16.600.000đ) là 8.400.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Bị đơn ông Đặng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.653.000đ.

- + Nguyên đơn ông Huỳnh Đ phải chịu 420.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.550.000đ, ông Đ được nhận lại số tiền 9.130.000đ theo biên lai thu số: TU/2016/0012325 ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện TT;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu